

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 08 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ LY** Ngày tháng năm sinh: **13/09/1987**
- Chức vụ/chức danh công tác: **Phó Bí thư chi bộ, Phó hiệu trưởng**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường Tiểu học Gia Thượng, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội.**
- Nơi thường trú: **Thôn Đình Vỹ, xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001187001325** ngày cấp **10/05/2021** nơi cấp **Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC ĐÀM** Ngày tháng năm sinh: **13/02/1986**
- Nghề nghiệp: **Kỹ sư điện**
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: **Công ty Thương mại và sản xuất thang máy HC**
- Nơi thường trú: **Thôn Đình Vỹ, xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **001086028327** ngày cấp **10/5/2021** nơi cấp **Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC TÙNG DƯƠNG** Ngày tháng năm sinh: **18/11/2011**
- Nơi thường trú: **Thôn Đình Vỹ, xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **Mới làm, đang chờ**

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: **NGUYỄN VIỆT HOÀN** Ngày tháng năm sinh: **19/07/2013**
- Nơi thường trú: **Thôn Đình Vỹ, xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **Mới làm, đang chờ**

Quay

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: **Thôn Đình Vỹ, xã Phù Đồng, TP Hà Nội**

- Diện tích⁽⁹⁾: **87,6 m²**

- Giá trị⁽¹⁰⁾: **Chưa giao dịch nên chưa xác định giá trị.**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: **CA 703776 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hà Nội cấp ngày 07/10/2015, tên người sở hữu Nguyễn Ngọc Đàm, Nguyễn Thị Ly.**

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: **Hiện nay gia đình đang sử dụng để trồng rau.**

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: **Không**

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở: **Không**

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: **Không**

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: **Không**

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: **Không**

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: **Không**

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: **Không**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: **Không**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không**

6.1. Cổ phiếu: **Không**

6.2. Trái phiếu: **Không**

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: **Không**

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: **Không**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

Quang

- Tên tài sản: **Ô tô 5 chỗ ngồi** Số đăng ký: **30H 49481** Giá trị: **600.000.000 đồng (khi mới mua năm 2010)**. Chủ sở hữu: **Nguyễn Thị Ly**

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: **Không**

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: **Không**

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: **Không**

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: **480.089.233 đồng**

- Tổng thu nhập của người kê khai: **300.089.233 đồng**

- Tổng thu nhập của chồng: **180.000.000 đồng**

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **Không**

- Tổng các khoản thu nhập chung: **Không**

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			

Quang

6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			
		+480.089.233 đồng	- Thu nhập của người kê khai 300.089.233 đồng/năm. - Thu nhập từ lương của chồng 180 triệu.

Bồ Đề, ngày 10 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Trần Thị Bảo Giang

Bồ Đề, ngày 08 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Nguyễn Thị Ly